TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

Số: 2286 /CNPĐ-TM
V/v: Mời cung cấp báo giá vật tư thay thế phục vụ BDSC định kỳ các hệ thống phụ trợ của Tuabin - máy phát cho tổ máy S1 năm 2027 - NMNĐ Thái Bình 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Chi nhánh) đang có nhu cầu mua sắm vật tư thay thế phục vụ BDSC định kỳ các hệ thống phụ trợ của Tuabin - máy phát cho tổ máy S1 năm 2027 - NMNĐ Thái Bình 2. Chi nhánh kính mời các Quý công ty có uy tín, năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp các chủng loại hàng hóa nêu trên quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
  + Danh mục hàng hóa vật tư cần mua sắm như **Phụ lục phạm vi công việc** đính kèm.
  + Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hóa có đầy đủ CO (nếu là hàng nhập khẩu) và CQ.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Hàng hóa về sớm nhất trước ngày 20/8/2027 và về chậm nhất trước ngày 05/9/2027.
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 10h00 ngày 23/11/2026.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
- Hình thức nhận báo giá: Các đơn vị gửi báo giá (file scan, được ký tên, đóng dấu đỏ bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý công ty như **Phụ lục biểu chào giá** đính kèm) qua thư điện tử theo các địa chỉ e-mail: nhanbaogia.hn@pvpgb.vn; lieml@pvpgb.vn; trangnk@pvpgb.vn.
- Thông tin liên hệ nhận báo giá: Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ Ông Lê Liêm - Phòng Thương mại, Tel: 0902288129.

Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc CN (để b/c);
- Lưu: VT, TM (LL).

Đính kèm:
- Phụ lục Phạm vi công việc;
- Phụ lục Biểu chào giá.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100[illegible]592-036 CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ - TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Xuân Hưng

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 873/CV-TM/2026

PHỤ LỤC PHẠM VI CÔNG VIỆC
Mua sắm vật tư thay thế phục vụ BDSC định kỳ các hệ thống phụ trợ của Tuabin - máy phát cho tổ máy S1 năm 2027
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2
(Đính kèm Công văn số 2286/CNPĐ-TM ngày 10/11/2026)

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Số lượng mua sắm	Đơn vị
1	**Hệ thống nước cấp**							
2	**Vệ sinh lọc bơm cấp điện**		11LAC10AP003					
		SW GASKET		t4.5, 22", ASME #300, RF			1.00	Cái
3	**Vệ sinh lọc bơm cấp turbine**		11LAC10AP028/029					
		Gasket S.W gasket: t=4.5mm, 26" ASME 300#RF		Gasket S.W gasket: t=4.5mm, 26" ASME 300#RF			2.00	Cái
4	**Vệ sinh làm sạch bên trong bình khử khí tổ máy số 1**		11LAA10AC005					
5	**Bơm ngưng**		11LCB10AP002		HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD		
		Shafl sleeve bottom -311		P/N: 311 Material: A276-Tp 316	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	1.00	Cái
		Shafl sleeve First -312		P/N: 312 Material: A276-Tp 316	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	1.00	Cái
		Shafl sleeve series & top -313		P/N: 313 Material: A276-Tp 316	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	4.00	Cái
		Shafl sleeve M/Seal Box -314		P/N: 314 Material: A276-Tp 316	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	1.00	Cái
		Shafl sleeve Column -315		P/N: 315 Material: A276-Tp 316	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	2.00	Cái
		Gasket 18'' class 300		SW Gasket, CL300, DN 450 (18"), SS 304 Graphite, ASME B16.5, 4.5mm	HYOSUNG		1.00	Cái
		Gasket 26'' class 150		SW Gasket, CL150, DN 750 (26"), SS 304 Graphite, ASME B16.47 "A", 4.5mm	HYOSUNG		2.00	Cái
		Carbon bearing Bottom -301		P/N.301. Material: GRAPHALLOY	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	1.00	Cái
		Carbon bearing -first -302		P/N.302. Material: GRAPHALLOY	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	1.00	Cái

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 873/CV-TM/2026

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Số lượng mua sắm	Đơn vị
		Carbon bearing -Series &Top-303		P/N.303. Material: GRAPHALLOY	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	4.00	Cái
		Carbon bearing-M/seal-304		P/N.304 . Material: GRAPHALLOY	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	1.00	Cái
		Carbon bearing-Cloumn-305		P/N.305 . Material: GRAPHALLOY	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	2.00	Cái
		O-ring for M/seal box -333		P/N.333. Material: NBR	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	1.00	Cái
		O-ring for Column -334		P/N. 334. Material: NBR	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	2.00	Cái
		O-ring for lower Column-335		P/N. 335 . Material: NBR	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	2.00	Cái
		O-ring for First casing hole-336		P/N.336 . Material: NBR	HYOSUNG	Châu Âu/G7/OECD	4.00	Cái
		Mechanical seal		Seal Type: QBQW , Seal Size: 4.750 SEAL CONFIG: SINGLE INSIDE-CATRIDGE; Materia Code: 5 U 4 X Model: VCP 450/5	HYOSUNG > FLOWSERVE	Châu Âu/G7/OECD	1.00	Cái
6	**Bình ngưng**		11MAG10AC001					
		Gasket for water box manhole		No.6 Gasket. Material: NEOPRENE 70 SHORE. t4 x).D 619 x I.D 572	Wooyang	Châu Âu/G7/OECD	8.00	Cái
7	**Flash Tank**		11LCM10BB001/002					
		Gasket; Spiral woud; 24 in		Item No.4: GASKET. Material: SPIRAL WOUND S.S. Sizze 24" x 4.5t, 150#. IN/OUTLET RING: SS 304. FILLER: NON-ASBETOS. HOOP: SS 304	Wooyang	Châu Âu/G7/OECD	2.00	Cái
8	**Vacuum pump B**		11MAJ10AP002		TSURUMI			
		ROLLER BEARING		P/No. 26 NU324	TSURUMI	Japan	2.00	Cái
		Ball BEARING		P/No. 29: 52217	TSURUMI	Japan	1.00	Cái
		GLAND PACKING		P/No. 34 (Ø22xL11000) Material:P#6501L	TSURUMI	Japan	1.00	Bộ
		O RING		P/No. 20 VẬT LIỆU NBR Gs160	TSURUMI	Japan	2.00	Cái
		O RING		P/No. 36 VẬT LIỆU NBR G180	TSURUMI	Japan	4.00	Cái
		OIL SEAL		P/No. 39 VẬT LIỆU NBR SB11014014	TSURUMI	Japan	1.00	Cái
		OIL SEAL		P/No. 40 VẬT LIỆU NBR SB15518515	TSURUMI	Japan	2.00	Cái
		Shaft Sleeve		P/No. 19 VẬT LIỆU A276 SUS304	TSURUMI	Japan	2.00	Cái
9	**Bơm dầu thủy lực van HP bypass**		11LBB13GF001XQ01/02					
		Bơm dầu thủy lực		PGI102-2-005-RK03-11-6100 Internal gear pump 5,4 ccm/rev p max 330 bar, sense of rotation: clockwise material no:3570569, P/N: 0110	HYDAC	Germany	1.00	Cái

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 873/CV-TM/2026

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Số lượng mua sắm	Đơn vị
10	**Bơm dầu thủy lực van LP bypass**		11LBA12GF001XQ01/02					
		Bơm dầu thủy lực		PGI102-2-011-RK03-11-6100-HYDAC Internal gear pump 10,9 ccm/rev p max 330 bar, sense of rotation: clockwise material no:3570571, P/N: 0110	HYDAC	Germany	1.00	Cái
11	**Hệ thống nước làm mát kín.**							
12	**Thiết bị cơ khí**							
13	**Bơm nước làm mát kín A/B**	Mechanical seal	11PGC10AP001/002	P/No. 420 . Model: SGL-CART 130. Material:E45-VV,KSM.or.eq	JOONGANG SEAL-KOREA	Châu Âu/G7/OECD	2.00	Bộ
14	**Vệ sinh Bộ trao đổi nhiệt ACW- A/B**		11PCD10AC001 11PCD10AC002		LHE co.ltd			
		Gioăng thiết bị trao đổi nhiệt ACW		No 7.2: Gasket. Mat': NBR			393.00	Cái
15	**Hệ thống nước làm mát chính, làm mát hở**							
16	**Thiết bị cơ khí**							
17	**Bơm nước làm mát chính A/B**	Shaft Sleeve	18PAC10AP001/002	Part no: 524 vật liệu A743 Gr CF3M	Hyosung	Châu Âu/G7/OECD	6.00	cái
		Shaft Sleeve		Part no: 524 -1 vật liệu A743 Gr CF3M	Hyosung	Châu Âu/G7/OECD	2.00	cái
		Line Bearing		Part no: 545-1 vật liệu TEFLON	Hyosung	Châu Âu/G7/OECD	2.00	cái
		Line Bearing		Part no: 545 vật liệu A743Gr.CF3M+TEFLON	Hyosung	Châu Âu/G7/OECD	4.00	cái
		O ring		Part no:715-1 vật liệu NBR	Hyosung	Châu Âu/G7/OECD	2.00	cái
		O ring		Part no: 715-2 vật liệu NBR	Hyosung	Châu Âu/G7/OECD	6.00	cái
		O ring		Part no: 715-3 vật liệu NBR	Hyosung	Châu Âu/G7/OECD	2.00	cái
		O ring		Part no: 715-4 vật liệu NBR	Hyosung	Châu Âu/G7/OECD	2.00	cái
		O ring		Part no: 715-5 vật liệu NBR	Hyosung	Châu Âu/G7/OECD	2.00	cái
18	**Lưới chắn rác kiểu quay**		18PBB10AT001/002					

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 873/CV-TM/2026

STT	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Số lượng mua sắm	Đơn vị
		No.21, ROLLER CHAIN, PUK. (Bộ xích dẫn động động cơ-rulo lưới chắn rác)		No.21, ROLLER CHAIN, PUK. P/N: 21	ILSHIN	Châu Âu/G7/OECD	2.00	Bộ
19	**Debrisfiter**		11PBB10AT001,002,003,004					
		Part no: 5 SCREEN BASKET DUPLEX STEEL Bộ lưới quay rác debrist filter		Part no: 5 SCREEN BASKET. Material: DUPLEX STEEL. A 240/479/790 (UNS S32205/UNS S31803) Bộ lưới quay rác debrist filter: (Bộ 6 tấm)	GEA BRG ENERGY INDIA		1.00	Bộ

liem! - 08:10 11/11/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 873/CV-TM/2026

PHỤ LỤC BIỂU CHÀO GIÁ

Mua sắm vật tư thay thế phục vụ BDSC định kỳ các hệ thống phụ trợ của Tuabin - máy phát cho tổ máy S1 năm 2027 - Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

(Đính kèm Công văn số 2286/CNPĐ-TM ngày 10 /11/2026)

TT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (trước thuế) VND	Thành tiền (trước thuế) VND
1						
.						
.						
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ					
	CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN					
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ					

(Bằng chữ: ..... đồng)

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(ký tên, đóng dấu)

liem! - 08:10 11/11/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice365.pvpgb.vn. Với số định danh: 873/CV-TM/2026